

Số: **664/2021/QĐST-HNGĐ**

Bình Chánh, ngày 17 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 451/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Quang Như N**, sinh năm 1989.
HKTT: B4/104 tổ 4, ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nơi cư trú: B12/33 Quốc lộ 50, ấp 3A, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Anh P**, sinh năm 1985.
HKTT: B4/104 tổ 4, ấp 2, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nơi cư trú: D10/290 ấp 4, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Quang Như N, sinh năm 1989 và ông Nguyễn Anh P, sinh năm 1985.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Quang Như N và ông Nguyễn Anh P thỏa thuận đồng ý ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 147, Quyền số 2/2008 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/11/2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Ngọc Phương A, sinh ngày: 04/12/2008 (Giới tính: Nữ).

Hiện nay trẻ Nguyễn Ngọc Phương A đang sống cùng bà N. Bà N và ông P thống nhất thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Ngọc Phương A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Anh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn Ngọc Phương A mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 (mười lăm) dương lịch của tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 15/11/2021.

Các bên giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Ông P có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Quang Như N và ông Nguyễn Anh P xác nhận không có.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Quang Như N tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0081375 ngày 16/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

III. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM; (1)
- VKSND H.BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- UBND xã P, huyện B, TP. Hồ Chí Minh; (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu: VP, hồ sơ. (3)

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Duy Linh